

Bản án số: 111/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13-8-2024

“V/v: Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Ngọc Lan**

2. Ông **Đặng Trần Khoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Cẩm Nhung** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/7/2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Thùy T** – sinh năm 1989

* **Bi đơn:** Ông **Hồ Trọng P** – sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: **H Tở B H, V, N, Khánh Hòa**

Bà **T** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông **P** vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Thùy T trình bày theo đơn khởi kiện và bản tự khai:** Bà và ông **Hồ Trọng P** tự nguyện đăng ký kết hôn và chung sống với nhau năm 2012 tại **Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa**. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau. Ông bà đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện với nhau, cố hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không mang lại kết quả tốt đẹp hơn. Nay mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa bà với ông **Hồ Trọng P**.

Về con chung: Bà và ông **P** có hai con chung là **Hồ Nhất N**, sinh ngày 09/02/2013 và **Hồ Bảo N1**, sinh ngày 28/4/2016. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Bà không yêu cầu ông **P** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà **Nguyễn Thị Thùy T** không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn, ông Hồ Trọng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do nên không có ý kiến trình bày theo hồ sơ vụ án.**

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP. Nha Trang phát biểu:**

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Hồ Trọng P đều đang cư trú tại số H Tổ B H, phường V, thành phố N. Bà T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về việc ly hôn đối với bị đơn ông P. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Bà Nguyễn Thị Thùy T là nguyên đơn, có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Hồ Trọng P tham gia vụ kiện với tư cách là bị đơn, Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N cấp Giấy đăng ký kết hôn số 106 ngày 14/11/2012. Đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Bà T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về việc ly hôn với ông P. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn ông Hồ Trọng P đến Tòa làm việc nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến. Điều này chứng tỏ bị đơn ông P không có thiện chí để đoàn tụ gia đình với bà T.

Hội đồng xét xử nhận thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông P đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T yêu cầu ly hôn với ông P là có cơ sở, phù hợp với căn cứ cho ly hôn tại Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[2.2]. Về con chung: Bà T và ông P có 02 con chung là cháu Hồ Nhất N, sinh ngày 09/02/2013 và Hồ Bảo N1, sinh ngày 28/4/2016. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay bà T là người đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung và tại bản tự khai ngày 24/6/2024, hai cháu N và N1 trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu N, N1 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và được tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét

xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

* **Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Thùy T** về việc “Ly hôn” với bị đơn ông **Hồ Trọng P**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Thùy T** được ly hôn với ông **Hồ Trọng P**.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu **Hồ Nhật N** - sinh ngày 09/02/2013 và **Hồ Bảo N1** - sinh ngày 28/4/2016 cho bà **T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ông **P** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở và được tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà **Nguyễn Thị Thùy T** phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002176 ngày 04/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà **Nguyễn Thị Thùy T** đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKS TP. Nha Trang (2 bản);
- Chi cục THA dân sự Tp. Nha Trang;
- UBND xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa (Số 106, ngày 14/11/2012);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Dũng